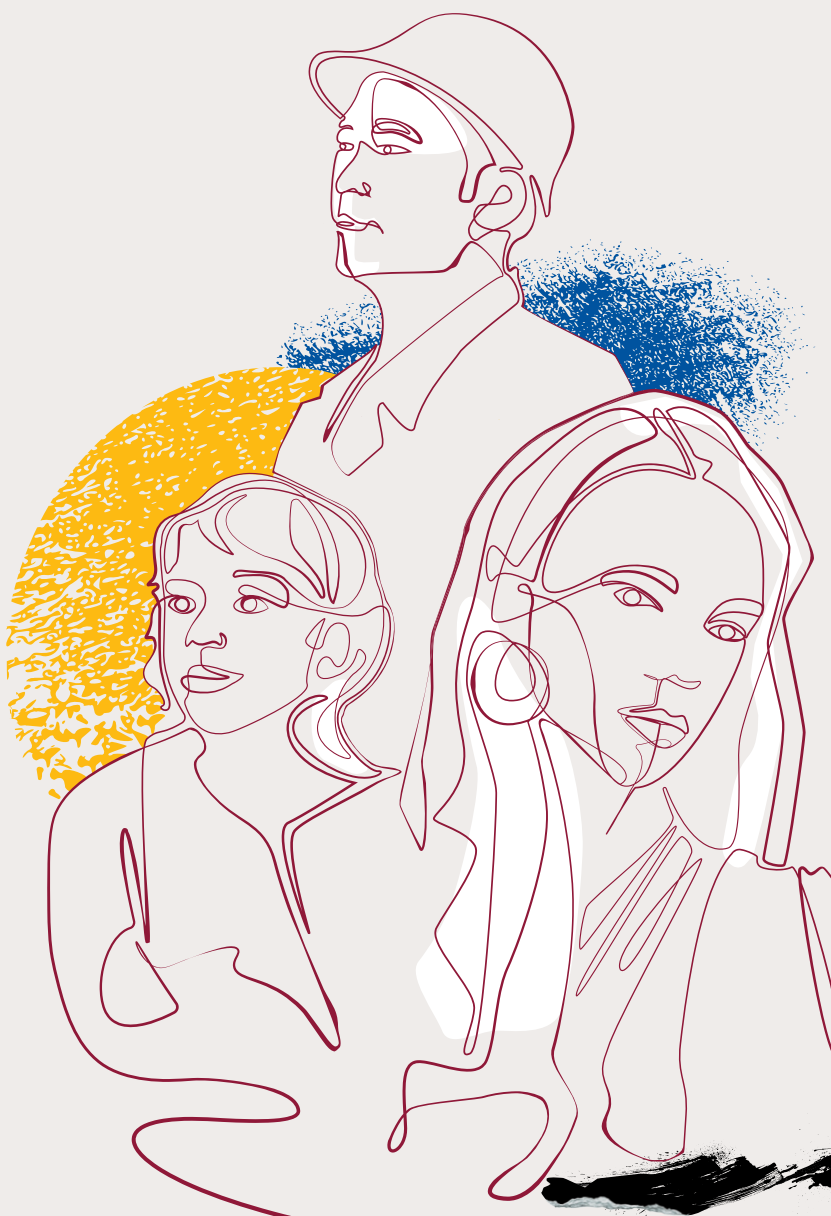




100

1919-2019

CÔNG BẰNG XÃ HỘI
VIỆC LÀM BỀN VỮNG

1919 - 2019

ILO 100 năm – Chặng đường vì Công bằng Xã hội

*Chủ tịch Hồ Chí Minh và ILO với lý tưởng chung hướng tới
việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người*

TS Chang-Hee Lee, Giám đốc ILO Việt Nam



Ba chiếc khóa biểu trưng đại diện cho cấu trúc ba bên được sử dụng tại lễ khánh thành tòa nhà trụ sở ILO, năm 1926 © ILO

Giới thiệu

Trong suốt 100 năm qua, các Chính phủ, Người lao động và Người sử dụng lao động trên toàn thế giới đã cùng nhau tập hợp trong Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), cùng tiến bước trên cơ sở niềm tin vững chắc của những người sáng lập rằng nền hòa bình phổ quát và bền vững phụ thuộc vào công bằng xã hội, và với một quyết tâm chung cùng nhau hành động vì mục tiêu đó, đặc biệt là thông qua áp dụng và giám sát thực hiện các tiêu chuẩn lao động quốc tế. Đó là một hoài bão đã trở thành sự thật – hoài bão về các chính phủ sẽ cùng đại diện của người lao động và người sử dụng lao động đưa ra quyết sách ở cấp toàn cầu cũng như cấp quốc gia về các vấn đề tác động đến người lao động và doanh nghiệp.

Chúng ta cùng nhau kỷ niệm một thế kỷ của những nỗ lực và thành tựu mà ba bên đạt được, và trong suốt giai đoạn đó, ILO đóng vai trò đầu tàu thúc đẩy tiến bộ xã hội và bảo vệ hòa bình. Giờ đây, chúng ta phải đối diện với những thách thức mới trong thế kỷ 21, có lẽ cũng khó khăn như những thách thức mà những thành viên sáng lập của ILO đã phải đối mặt sau Thế chiến thứ nhất, để xây dựng hòa bình và công bằng xã hội. Giờ là lúc chúng ta cùng nhau nhìn lại 100 năm qua và hướng tới tương lai.

ILO năm 1919

Những câu đầu tiên trong Lời nói đầu của Hiến chương ILO đã trang trọng viết rằng: “Một nền hòa bình phổ quát và bền vững chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở công bằng xã hội. Và xét rằng những điều kiện làm việc hiện nay chứa đựng những nỗi bất công, khổ cực và thiếu thốn đối với một số đông người sẽ gây ra tình trạng mất ổn định lớn tới mức khiến cho nền hòa bình và sự hòa hợp của thế giới có thể bị nguy hại”.

Việc thành lập ILO là thành quả của những nỗ lực kéo dài một thế kỷ của người lao động nam và nữ, những nhà tư tưởng, những doanh nhân đã giác ngộ và những nhà lãnh đạo chính trị — những người đã đấu tranh nhằm cải thiện điều kiện làm việc vì sự phát triển bền vững của nền kinh tế thị trường không chỉ ở cấp quốc gia mà cả ở cấp toàn cầu khi các quốc gia ngày càng trở nên gắn kết nhờ giao thương quốc tế. Điều đó dựa trên cơ sở công nhận rằng “bất luận quốc gia nào không chấp nhận những điều kiện nhân đạo



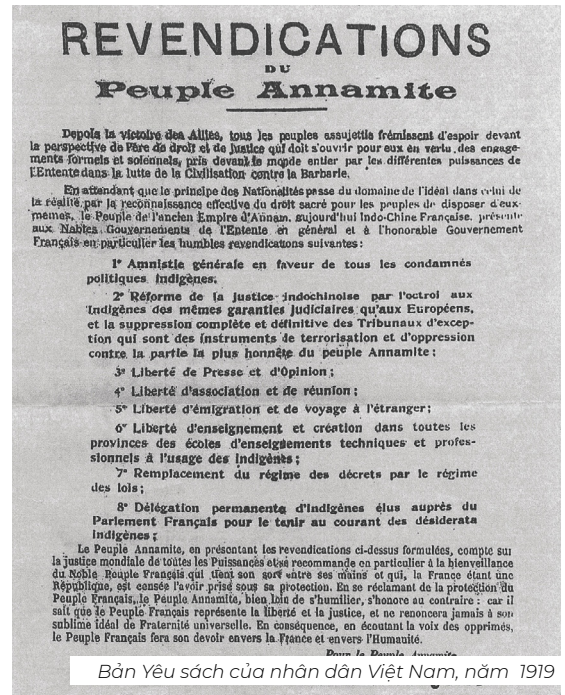
Công nhân biểu tình tại một khu công nghiệp tại miền bắc nước Ý © ILO

cho lao động cũng sẽ là một trở ngại đối với những quốc gia khác hằng mong muốn cải thiện những điều kiện này trong đất nước mình". Được thành lập tại Hội nghị Hòa bình Paris năm 1919, ILO chính thức đi vào hoạt động với 42 quốc gia thành viên sáng lập.

Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1919 và chặng đường vì hòa bình và công bằng xã hội (1919-1940)

Sự phấn khích và kỳ vọng vào Hội nghị Hòa bình Paris đã vượt ra ngoài phạm vi một số ít quốc gia được chính thức mời tham dự Hội nghị. Nhiều người dân ở các nước thuộc địa đã kỳ vọng vào Hội nghị, được truyền cảm hứng bởi "chương trình 14 điểm" của Tổng thống Hoa Kỳ Wilson, kêu gọi quyền tự quyết của tất cả các quốc gia.

Trong số họ có một thanh niên với tên gọi Nguyễn Ái Quốc, sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước đang sống tại Pháp, Người đã gửi đến các phái đoàn tham dự Hội nghị Hòa bình Paris Bản Yêu sách của Nhân dân Việt Nam. Theo đó, Người đòi hỏi quyền tự quyết cho nhân dân Việt Nam và trong số những yêu sách đưa ra, Người yêu cầu "tự do hội họp và quyền được học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp". Đây là một tuyên bố nổi bật, có thể được nhìn nhận là khởi điểm của các chính sách lao động hiện đại của Việt Nam. Bản yêu sách của Người tương đồng với Lời nói đầu của Hiến chương ILO, đòi hỏi "công nhận nguyên tắc cơ bản của tự do hiệp hội, tổ chức giáo dục kỹ thuật và dạy nghề".



Khởi mạc Hội nghị Hòa bình Paris, năm 1919 © ILO

một người theo chủ nghĩa dân tộc xuất chúng mà còn là một nhà vận động nhân văn đầy nhiệt huyết vì quyền lợi của người lao động và giải phóng các dân tộc thuộc địa. Với bản yêu sách gửi đến các phái đoàn tại Hội nghị Hòa bình Paris, cả cuộc đời đấu tranh vì độc lập, tự do và công bằng xã hội của Người đã bước sang một giai đoạn mới, khi ILO bắt đầu sự nghiệp của mình với việc thông qua một loạt các tiêu chuẩn lao động quốc tế, khởi đầu với Công ước số 1 về 8 giờ làm việc một ngày. Và ngày làm 8 giờ cũng là một trong những chính sách về lao động đầu tiên được Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra tại Quốc dân Đại hội Tân Trào của Tổng bộ Việt Minh vào tháng 8 năm 1945.

Nhưng Người đã phải rời Hội nghị Hòa bình Paris với nỗi thất vọng cay đắng bởi vì yêu

Đó không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Sau khi Người rời Sài Gòn vào ngày 5/6 năm 1911, Người đã bôn ba nhiều nơi -- Hoa Kỳ, Mỹ La tinh, châu Âu và Châu Á và Châu Phi -- chứng kiến nỗi thống khổ của người lao động, đặc biệt là những người dân thuộc địa bị áp bức. Ở Luân-đôn, Người bắt đầu tham gia vào phong trào công nhân thông qua Hội Người Lao động Nước ngoài, cũng khi đó, Người đã thấm nhuần truyền thống nhân văn khi được đọc những tác phẩm của Dickens, Hugo, Tolstoy và các danh nhân khác. Tại thời điểm đó, khi Người viết bản yêu sách nổi tiếng năm 1919, Người không chỉ là

sách chính của Người, mà thực chất là những yêu sách của hàng triệu người dân thuộc địa bị áp bức ở châu Á, châu Phi, Mỹ La tinh đòi hỏi quyền tự quyết tại thời điểm đó đơn giản là đã không được các nước lớn đếm xỉa. Người đã phải đợi đến cuộc chiến tiếp theo, Thế chiến thứ hai, là báo hiệu ngày tàn của chủ nghĩa thực dân, cũng như ILO cũng phải đợi đến khi Thế chiến thứ hai kết thúc để mở rộng hệ thống các tiêu chuẩn lao động quốc tế phổ quát vượt ra ngoài phạm vi “khu vực thành thị”¹.

Vào năm 1920, Người thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lê Nin. Cũng như nhiều người được giác ngộ vào thời điểm đó, Người nhận thấy ánh sáng cho hàng triệu người dân thuộc địa bị áp bức từ cam kết của Lê Nin. Khi nhiều lãnh đạo chính trị cánh tả phương Tây chỉ nói dài bơi về vấn đề của người dân thuộc địa², Người đã ngày đêm làm việc với những người đến từ Madagascar, Senegal và những nơi khác để kêu gọi tinh thần đoàn kết³.

Trong số các lãnh đạo cộng sản thời bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn toàn khác biệt bởi Người không chỉ dựa vào chủ nghĩa Mác – Lê Nin, mà còn dựa trên lý tưởng được thể hiện trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp (năm 1789) và Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ (năm 1776). Người yêu cầu việc thực hiện đầy đủ những tôn chỉ của Cách mạng Hoa Kỳ và Pháp – tự do, bình đẳng, bác ái - ở các thuộc địa khi phải đối diện với sự giả tạo của ách cai trị thực dân.

Khi những chính sách của Quốc tế Cộng sản có sự biến chuyển lớn về định hướng trong thập niên 1920 và 1930, Người vẫn luôn kiên định và chú trọng đến các vấn đề thuộc địa và nỗi thống khổ của dân tộc thuộc địa⁴. Nhưng tiếng nói của Người vẫn chỉ là “tiếng kêu đơn độc giữa hoang mạc”. Nhưng là một người khiêm nhường, tận tâm, nhân văn, cùng với sự kết hợp tuyệt vời giữa chủ nghĩa hành động và ý chí quyết tâm, Người đã



Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội toàn quốc Đảng Xã hội Pháp, năm 1920

1 Tại thời điểm ILO được thành lập vào năm 1919, thành viên của tổ chức phần lớn là các nước công nghiệp hóa Châu Âu và người ta cho rằng không thể kỳ vọng áp dụng ngay tức thì những tiêu chuẩn lao động cao tại một số khu vực trên thế giới. Trong giai đoạn 1930-1939, Hội nghị toàn thể đã phân biệt “giữa quyền của người lao động ở những khu vực phát triển và “kém phát triển” khi thông qua “Bộ luật Lao động Bản địa” với các tiêu chuẩn thấp hơn. Chính sự ra đời của Tuyên bố Philadelphia năm 1944 đã mở rộng hệ thống tiêu chuẩn lao động quốc tế, “không tính đến sắc tộc, tôn giáo và giới tính”, và dù khu vực đó ở trình độ phát triển hay kém phát triển hơn.

2 Nguyễn Ái Quốc ủng hộ và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp sau khi Đảng này tách ra khỏi Đảng Xã hội Pháp vào năm 1920 bởi Người tin tưởng rằng các Đảng Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Lê Nin ủng hộ việc giải phóng dân tộc thuộc địa bị áp bức. Nhưng Người cũng thường cảm thấy thất vọng khi nhận thấy các lãnh đạo cộng sản Pháp thiếu quan tâm và ủng hộ đối với những vấn đề của dân tộc thuộc địa. Người là một lãnh đạo tận tâm và đầy nhiệt huyết của Hội Liên hiệp Thuộc địa khi đó được thành lập để khơi tạo đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa của Pháp

3 Vào năm 1920, Người sáng lập tờ báo Le Paria (Người cùng khổ), là cơ quan ngôn luận của “Hội Hợp tác Người cùng khổ” nói lên nỗi thống khổ của các dân tộc thuộc địa và kêu gọi đấu tranh vì công lý. Nguyễn Ái Quốc là người phụ trách chính trong việc xuất bản của báo, từ việc tổ chức ban biên tập, tòa soạn, viết bài, sửa bài, in ấn, và cả phát hành.

4 Những cuộc đấu tranh về ý thức hệ và vai trò lãnh đạo trong phong trào cộng sản quốc tế trong thập niên 1920 và 1930 đã dẫn đến sự thay đổi lớn về chiến lược của Quốc tế Cộng sản từ đấu tranh giai cấp cấp tiến chuyển sang các chiến lược mặt trận thống nhất ôn hòa. Mặc dù có thể sống sót qua “những cơn bão chính trị” bằng cách duy trì hoạt động ở cấp độ thấp và tránh xa khỏi các cuộc đấu tranh về ý thức hệ gây khó khăn cho phong trào cộng sản thế giới, Người vẫn kiên định chú trọng đến số phận của dân tộc thuộc địa bị áp bức và âm thầm xây dựng một chiến lược thiết lập liên minh dân chủ rộng rãi. Người dự đoán được sự chuyển dịch chiến lược của Đại hội 7 của Quốc tế Cộng sản theo hướng tiếp cận mặt trận thống nhất, điều này giúp ích lớn cho chiến thắng của các đồng minh dân chủ trong công cuộc chống lại Chủ nghĩa Phát xít. Lịch sử đã chứng minh cách tiếp cận của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đúng đắn.

thu phục được trái tim và khối óc của bao con người – kể cả kẻ thù – nhờ đó Người đã vượt qua được những sóng gió trong thập niên 1920 và 1930 tại Moscow và chuẩn bị cho ngày giành lại độc lập.

Trong khi Người không ngừng đấu tranh cho độc lập tự do và công lý từ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam⁵, đó cũng là thời điểm người dân Việt Nam đã đứng lên chống lại bất công và chủ nghĩa thực dân – cuộc bãi công của công nhân xưởng sửa chữa tàu thủy Ba Son do đồng chí Tôn Đức Thắng lãnh đạo năm 1925, sự ra đời của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do đồng chí Nguyễn Đức Cảnh tham gia sáng lập năm 1929, cuộc tổng bãi công của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng do đồng chí Trần Tử Bình lãnh đạo năm 1930, và phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930-1931 là những bằng chứng về công cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam vì độc lập và công bằng xã hội.

Chủ nghĩa thực dân chấm dứt và công cuộc xây dựng một thế giới mới của công bằng xã hội sau Thế chiến thứ hai

Năm 1941, Người đã vượt qua biên giới Việt – Trung để trở về Tổ quốc sau hành trình 30 năm để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh cuối cùng nhằm chấm dứt chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phát xít. Đó cũng là thời điểm ILO chuyển văn phòng trụ sở chính từ Geneva sang Montreal, Canada để tránh cuộc tấn công của Đức Quốc xã ở Châu Âu và chuẩn bị đảm nhiệm vai trò mới sau Thế chiến thứ hai.

Một bên trở về quê hương, còn bên kia lại rời trụ sở chính. Chủ tịch Hồ Chí Minh và ILO đã đấu tranh chống lại chủ nghĩa phát xít⁶, và cũng vì một mục tiêu chung là xây dựng một trật tự thế giới mới dựa trên quyền của con người được tự quyết định tương lai của mình và quyền của người lao động, “không phân biệt nòi giống, tín ngưỡng, giới tính đều có quyền mưu cầu phúc lợi vật chất và phát triển tinh thần trong điều kiện tự do và nhân phẩm, được an toàn về kinh tế và có cơ hội như nhau”, như đã nêu trong Tuyên bố Philadelphia được thông qua năm 1944.



Tuyên bố này đã khởi xướng và được nhìn nhận như một khuôn mẫu cho Hiến chương của Liên Hợp Quốc và Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Đó là một bản tuyên bố đột phá vì công bằng xã hội thời hậu chiến, đặt ra những mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội rộng lớn không chỉ quan tâm đến thế giới lao động mà quan tâm tới toàn nhân loại, trực tiếp đề cập tới “mọi người, không kể tôn giáo, tín ngưỡng hay giới tính”. Tuyên bố đã đặt ra nền tảng phổ quát cho công cuộc phát triển sau Thế chiến thứ hai, mở rộng phạm vi tới các quốc gia mới giành độc lập chứ không chỉ giới hạn trong “khu vực thành

5 Ở Trung Quốc, Hồ Chí Minh mở các khóa đào tạo cán bộ cách mạng trong giai đoạn 1926-1927, và vào ngày 3/2/1930, Người đã tổ chức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

6 “Các chế độ phát xít rõ ràng không phù hợp với mô hình ba bên của ILO, theo đó đại diện của người lao động và người sử dụng lao động không được nằm ngoài sự kiểm soát của chính phủ”, Rodgers, G. (2009). Tổ chức Lao động Quốc tế và công cuộc đấu tranh vì công bằng xã hội 1919-2009. trang 28.

thị”. Tuyên bố nêu rằng “nghèo khổ ở bất cứ nơi nào cũng là nguy cơ cho phồn vinh ở tất cả mọi nơi khác” và “cuộc đấu tranh chống thiếu thốn phải được tiến hành một cách không mệt mỏi bên trong mỗi quốc gia, với sự cố gắng liên tục và có sự phối hợp của quốc tế”.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình, năm 1945

Khi Tuyên bố Philadelphia được thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng những người đồng chí đang thực hiện những khâu chuẩn bị cuối cùng để xây dựng một nước Việt Nam độc lập.

Quốc dân Đại hội Tân Trào của Tổng bộ Việt Minh tháng 8 năm 1945 là một mốc son trong lịch sử, là sự kiện mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng bộ Việt Minh chuẩn bị cho nước Việt Nam độc lập. Đại hội Tân Trào, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã thông qua một loạt những chính sách then chốt, trong đó có

chính sách ngày làm 8 giờ, định lương tối thiểu và bảo hiểm xã hội, đồng thời quyết định thành lập các ủy ban về các vấn đề xã hội trên toàn quốc. Thách thức đầu tiên mà chính phủ lâm thời mới phải đối mặt là cuộc chiến chống nạn đói. Ngay trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 3 tháng 9 năm 1945, chính phủ mới đã thông qua một loạt những biện pháp chính sách nhằm giải quyết nạn đói bao gồm tín dụng vi mô cho người nông dân, chống nạn mù chữ và hỗ trợ người dân.

Trong khi cuộc đấu tranh cuối cùng chống lại ách thống trị thực dân cũ vẫn đang tiếp diễn, chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu tiếp tục đặt ra nền tảng cho các chính sách lao động và xã hội, trong đó có Sắc lệnh số 29 quy định về “giao dịch về việc làm công giữa chủ và công nhân”, được thông qua ngày 12 tháng 3 năm 1947. Trong số những điều khoản quy định tại Sắc lệnh 29 có những điều khoản về bảo vệ lao động trẻ em, đào tạo nghề, bảo vệ thai sản, tiền lương tối thiểu, thanh tra lao động, ngày nghỉ được hưởng lương và an toàn và vệ sinh lao động.

Đặc biệt, Sắc lệnh này công nhận đầy đủ quyền của người lao động được tự do hội họp, quyền thương lượng tập thể và bãi công mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra năm 1919. Những nguyên tắc đặt ra trong Sắc lệnh số 29 hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc trong Công ước số 87 về Tự do Hiệp hội và Bảo vệ Quyền được Tổ chức và Công ước số 98 về Quyền được Tổ chức và Thương lượng Tập thể được Hội nghị Lao động Quốc tế lần lượt thông qua vào năm 1948 và 1949, ngay sau khi Sắc lệnh số 29 được thông qua vào năm 1947.

Một lần nữa, lý tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trùng khớp với tinh thần của ILO trong những ngày đầu giành độc lập, trong công cuộc đấu tranh chống “sự thiếu thốn” và “nghèo đói” và cả những nỗ lực vì lợi ích vật chất và tinh thần của người lao động. Thực tế, Sắc lệnh số 29 được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc giống hệt với những nguyên tắc của Công ước số 87 (về quyền tự do hiệp hội) và Công ước số 98 (về thương lượng tập thể) của ILO là minh chứng về lý tưởng chung của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ILO trong việc xây dựng công bằng xã hội thông qua việc công nhận, bảo đảm và trao quyền cho người lao động và người sử dụng lao động trong việc cải thiện và điều tiết điều kiện làm việc trong thời kỳ dân chủ mới sau Thế chiến thứ hai.

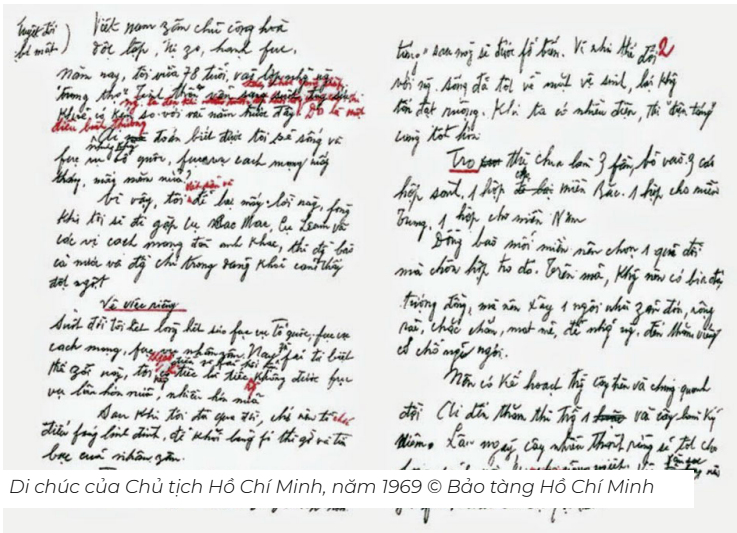
Năm 1969, 1975, 1986 và 1992

Năm 1969, ILO đã được trao giải thưởng Nobel Hòa bình để ghi nhận đầy đủ những cống hiến của tổ chức đối với nền hòa bình thế giới thông qua những nỗ lực không mệt mỏi vì công bằng xã hội khi tổ chức kỷ niệm 50 năm thành lập. Cũng trong năm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời sau 50 năm Người bắt đầu vai trò lãnh đạo phong

trào độc lập và công bằng xã hội với bản yêu sách gửi tới các phái đoàn tham dự Hội nghị Hòa bình Paris năm 1919. Tiếc thay, Người đã không thể chứng kiến thời khắc hòa bình được lập lại. Tuy nhiên, những nỗ lực của Người và của dân tộc Việt Nam vì hòa bình và thống nhất đất nước đã nhận được sự ủng hộ trên toàn cầu, bằng chứng là các cuộc tuần hành và biểu tình của hàng triệu người dân trên toàn thế giới yêu cầu chấm dứt chiến tranh Hoa Kỳ và trao trả hòa bình.



Tổng giám đốc ILO David A. Morse thay mặt ILO nhận giải thưởng Nobel Hòa bình, năm 1969 © ILO



Người đã để lại di chúc cho đồng bào của mình, thể hiện ước mơ xây dựng “một nước Việt Nam hòa bình”, một đất nước “thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Ước mơ của Người đã thành hiện thực khi đất nước được thống nhất và hòa bình được lập lại trong một quốc gia tươi đẹp vào năm 1975. Công cuộc xây dựng một đất nước Việt Nam giàu mạnh bắt đầu bằng việc thực hiện thành công công cuộc Đổi mới năm 1986, đưa Việt Nam từ một xã hội nông nghiệp nghèo nàn bị cô lập trở thành một xã hội công nghiệp hiện đại hội nhập toàn diện và một nền kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Năm 1992, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tái gia nhập ILO, hình thành nên quan hệ đối tác để hiện thực hóa những lý tưởng của Hồ Chí Minh và ILO từ năm 1919.

Chiến thắng mà Việt Nam giành được trong những cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực dân và trong các cuộc chiến tranh là nhờ sự kêu gọi và trao quyền cho mỗi cá nhân và tập thể chung tay vì nỗ lực chung. Thành công của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại của Việt Nam cũng nằm ở việc trao quyền cho mỗi cá nhân và tập thể - không kể là doanh nhân, người sử dụng lao động và người lao động – trở thành nhân tố tích cực trong việc quyết định tương lai của mình thông qua đối thoại.

Việt Nam hướng tới trở thành một quốc gia thu nhập trung bình cao và việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người

Với thành công của công cuộc Đổi mới hơn ba thập kỷ qua, Việt Nam đã trở thành một trong những nền kinh tế năng động nhất, hội nhập toàn diện với nền kinh tế toàn cầu thông qua các hiệp định thương mại tự do và các mạng lưới cung ứng toàn cầu, giúp hàng triệu người dân thoát nghèo và tạo hàng triệu việc làm. Trên nền tảng những thành công liên tục đạt được trong ba thập kỷ qua, Việt Nam đặt mục tiêu trở thành nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030 với việc thực hiện toàn diện các mục tiêu phát triển bền vững và cuối cùng có thể trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2045.

Đó là những mục tiêu tham vọng nhưng có thể thực hiện được nếu Việt Nam có thể giải quyết được những thách thức đa diện mà đất nước đang phải đối mặt: giải quyết những thách thức về biến đổi khí hậu với chiến lược tăng trưởng xanh và việc làm xanh; giải quyết những thách thức của một xã hội với dân số đang già hóa và cơ chế bảo trợ xã hội, học tập suốt đời cho tất cả mọi người; những thách thức nảy sinh do sáng kiến

công nghệ đột phá với những chính sách công nghiệp thông minh và phối hợp tối ưu giữa máy móc và nhân lực nhằm nâng cao năng suất và liên tục cải thiện điều kiện sống và làm việc; những thách thức của khu vực kinh tế và việc làm phi chính thức cùng với chiến lược nhất quán nhằm chính thức hóa khu vực kinh tế phi chính thức và những thách thức trong công cuộc xây dựng nền dân chủ và đảm bảo bình đẳng trong lao động với cải cách trong pháp luật và thể chế về quan hệ lao động phù hợp với Tuyên bố của ILO về những Nguyên tắc và Quyền Cơ bản trong Lao động, trong đó đặc biệt chú trọng tới tự do hiệp hội và quyền thương lượng tập thể.

Dân chủ trong lao động củng cố đặc tính “xã hội” của nền kinh tế thị trường đang chín muồi của Việt Nam và giúp đảm bảo sự phát triển bền vững cùng với bình đẳng và công bằng xã hội. Dân tộc Việt Nam đã hiện thực hóa những ước mơ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại trong di chúc của Người – một đất nước thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một công dân kiệt xuất không chỉ của Việt Nam mà của cộng đồng toàn cầu, thể hiện bởi những nỗ lực không ngừng của Người vì đoàn kết quốc tế trên cơ sở những giá trị chung phổ quát của cộng đồng toàn cầu, cũng như những gì đã được thể hiện trong “Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam” năm 1919 và Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945. Chúng ta cùng kỷ niệm 100 năm hành trình ILO và Việt Nam đã cùng nhau thực hiện, nơi những người sáng lập ILO và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng chung lý tưởng nhằm đảm bảo việc làm thỏa đáng và mang lại hạnh phúc cho tất cả mọi người. Chúng ta sẽ cùng nhau tiếp tục hành trình này trong 100 năm tới.



Văn phòng ILO tại Việt Nam

48 - 50 Nguyễn Thái Học, Hà Nội

 +84 24 3 734 0902

 hanoi@ilo.org

 www.ilo.org/hanoi

 [Vietnam.ILO](https://www.facebook.com/Vietnam.ILO)

